

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-TCKH

Krông Nô, ngày tháng 02 năm 2024

V/v công khai tình hình
quyết toán dự án hoàn
thành năm 2023

Kính gửi:

- Các Phòng, ban, đơn vị thuộc huyện;
- Các tổ chức chính trị - xã hội;
- UBND các xã, thị trấn Đăk Mâm.

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông số 10/2005/TT-BTC ngày 02/02/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với việc phân bổ, quản lý sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước.

UBND huyện Krông Nô công khai tình hình quyết toán dự án hoàn thành năm 2023 trên địa bàn huyện như sau:

Trong năm 2023, UBND huyện Krông Nô và UBND các xã, thị trấn Đăk Mâm đã phê duyệt 18 hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành với tổng giá trị quyết toán là **38,468** tỷ đồng, giảm so với giá trị đề nghị của Chủ đầu tư là **0,021** tỷ đồng.

(Chi tiết theo Biểu mẫu: 04/CKTC-ĐT XD)

UBND huyện Krông Nô công bố, công khai để các cơ quan, đơn vị được biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tài chính (b/c);
- TT Huyện ủy (b/c);
- TT HĐND (b/c);
- CT, các Phó CT UBND huyện;
- VP HĐND&UBND huyện;
- Phòng TC-KH;
- Trang TTĐT huyện;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Bùi Ngọc Sơn

Biểu mẫu: 04/CKTC-ĐTXD

DVT: Tỷ đồng

STT	Loại dự án	Tổng số dự án	TMĐT được duyệt	Giá trị đề nghị quyết toán của Chủ đầu tư	Giá trị QT được duyệt	Chênh lệch	Ghi chú
1	2	4	5	6	7	8=7-6	
	Tổng cộng	18	38,183	38,489	38,468	(0,021)	
I	Vốn thực hiện dự án	18	38,183	38,489	38,468	(0,021)	
A	Dự án nhóm C	18	38,183	38,489	38,468	(0,021)	
1	Đường giao thông nông thôn xã Đăk Drô năm 2021; Hạng mục: Nền, mặt đường	1	0,464	0,430	0,429	(0,000)	
2	Nâng cấp, mở rộng nhà văn hoá thôn Nam Thạnh; Hạng mục: Hội trường	1	0,986	0,956	0,955	(0,001)	
3	Đường giao thông nông thôn xã Đăk Drô năm 2020; Hạng mục: Nền, mặt đường bê tông xi măng	1	0,935	0,871	0,870	(0,000)	
4	Trường Trung học cơ sở Năm Nung; Hạng mục: Nhà lớp học 6 phòng 2 tầng và trang thiết bị	1	0,935	3,573	3,572	(0,001)	
5	Trường THCS Lý Tự Trọng; Hạng mục: Nhà tập đa năng	1	3,500	3,328	3,327	(0,000)	
6	Đường thôn Nam hợp đi suối Bong	1	4,990	4,959	4,959	(0,000)	
7	Trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi; Hạng mục: Bể bơi và nhà vòm bảo vệ	1	1,000	0,961	0,958	(0,002)	
8	Trường tiểu học Kim Đồng; Hạng mục: Bể bơi và nhà vòm bảo vệ	1	1,000	0,932	0,930	(0,002)	

STT	Loại dự án	Tổng số dự án	TMDT được duyệt	Giá trị đề nghị quyết toán của Chủ đầu tư	Giá trị QT được duyệt	Chênh lệch	Ghi chú
9	Hạ tầng cụm công nghiệp huyện Krông Nô; Hạng mục: Bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng	1	2,000	1,152	1,152	(0,000)	
10	Cụm công nghiệp huyện Krông Nô (Bồi thường, hỗ trợ)	1	1,045	1,044	1,044	-	
11	Nâng cấp đường giao thông thôn Nam Thành đi thôn Nam Hà xã Nam Đà; Hạng mục: Nền, móng, mặt đường, thoát nước và ATGT	1	1,000	0,966	0,966	(0,000)	
12	Nâng cấp đường giao thông trục 10 xã Nam Đà; Hạng mục: Nền, móng, mặt đường, thoát nước và ATGT.	1	1,095	1,053	1,053	(0,000)	
13	Trung tâm cụm xã Đăk Drô (Giai đoạn 2); Hạng mục: San lấp mặt bằng, mặt đường và hệ thống an toàn giao thông	1	5,6	5,314	5,319	0,005	
14	Trường tiểu học Hoàng Diệu xã Nam Đà, nâng cấp mở rộng sân trường	1	1	0,922	0,922	(0,000)	
15	Trường TH Lê Văn Tám (phân hiệu Tân Lập); Hạng mục: Nhà lớp học 06 phòng, 2 tầng và trang thiết bị	1	3,700	3,407	3,407	(0,000)	
16	Trường mầm non Vàng Anh xã Nam Xuân; Hạng mục: Nâng cấp, mở rộng nhà lớp học 06 phòng 2 tầng	1	5,000	4,807	4,805	(0,001)	

STT	Loại dự án	Tổng số dự án	TMDT được duyệt	Giá trị đề nghị quyết toán của Chủ đầu tư	Giá trị QT được duyệt	Chênh lệch	Ghi chú
17	Trung tâm Chính trị huyện; Hạng mục: Kè chống sạt lở và nâng cấp mở rộng sân bê tông	1	1,500	1,470	1,461	(0,008)	
18	Trụ sở HĐND&UBND huyện Krông Nô; Hạng mục: Cải tạo trụ sở làm việc và các hạng mục phụ trợ	1	2,434	2,345	2,338	(0,007)	